TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Liêu Tài Ngoánh

Ông Huỳnh Tài Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thùy Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh N, chị Điểm có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2022, các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Văn N trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 17/02/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã. Tháng 04 năm 2019 anh N đi Nhật xuất khẩu lao động, sau khi anh N đi Nhật 03 tháng thì Đ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh N yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị Thùy Đ.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Phan Thị Khánh Y, sinh ngày 18/3/2015, Phan Khánh Đ, sinh ngày 11/6/2016, Phan Khánh P, sinh ngày 28/01/2018, hiện nay cháu Yên và cháu Đăng đang sống với anh N, cháu Phàm hiện đang sống với chị Đ. Sau khi ly hôn, anh N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phan Thị Khánh Y, cháu Phan Khánh Đ, còn cháu Phan Khánh P anh N đồng ý giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung là phần đất diện tích 5650m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp 17, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nay yêu cầu chia đôi tài sản chung mỗi người ½.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/7/2022 anh Phan Văn N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung là phần đất diện tích 5650m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp 17, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Phan Thị Thùy Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 17/02/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã. Tháng 04 năm 2019 anh N đi Nhật xuất khẩu lao động, sau khi anh N đi Nhật 03 tháng thì Đ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh N yêu cầu ly hôn với chị thì chị Đ cũng đồng ý ly hôn. Nhưng tại thời điểm hôm nay chị Đ chưa đồng ý ly hôn do cần thời gian để suy nghĩ thêm.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Phan Thị Khánh Y, sinh ngày 18/3/2015, Phan Khánh Đ, sinh ngày 11/6/2016, Phan Khánh P, sinh ngày 28/01/2018, hiện nay cháu Yên và cháu Đăng đang sống với anh N, cháu Phàm hiện đang sống với chị Đ. Sau khi ly hôn, chị Đ đồng ý giao 02 con chung là cháu Phan Thị Khánh Y, cháu Phan Khánh Đ cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Phan Khánh P chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phàm, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận được với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:* - Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị Đ. Về con chung, đề nghị giao 02 con chung tên Phan Thị Khánh Y và Phan Khánh Đ cho anh N nuôi dưỡng, giao cháu Phan Khánh P cho chị Đ nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung là phần đất diện tích 5650m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp 17, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Về nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận:

Về tố tụng:

Anh N yêu cầu ly hôn với chị Đ, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Đ cư trú tại xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 17/02/2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Theo anh N, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do không hợp lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, chị Đ đã dọn về nhà cha mẹ đẻ từ năm 2019 đến nay, nay anh N xác định không còn tình cảm với chị Đ nữa nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ cũng thống nhất với lời trình bày của anh N, cũng đồng ý ly hôn với anh N, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay thì chị Đ chưa đồng ý ly hôn ngay do cần thời gian suy nghĩ thêm. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình nhưng anh N và chị Điểm đã ly thân nhau 03 năm nay, nay anh N cương quyết xin ly hôn với chị Đ, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải và cho hai bên thời gian để hòa giải nhưng chị Đ không có thiện chí hòa giải cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của anh chị không có khả năng hàn gắn lại được. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, anh N yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với chị Đ thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N, cho anh N được ly hôn với chị Đ.

[2] Về con chung: Anh N và chị Đ thống nhất xác định quá trình chung sống có 03 con chung là cháu Phan Thị Khánh Y, sinh ngày 18/3/2015, Phan

Khánh Đ, sinh ngày 11/6/2016, Phan Khánh P, sinh ngày 28/01/2018, hiện nay cháu Yên và cháu Đăng đang sống với anh N, cháu Phàm hiện đang sống với chị Đ. Sau khi ly hôn, thống nhất giao 02 con chung là cháu Phan Thị Khánh Y, cháu Phan Khánh Đ cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phan Khánh P cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự thống nhất và sự tự nguyện của anh N và chị Đ, phù hợp với hoàn cảnh sinh sống thực tế của các con. Nhằm đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý cho các con trong việc ăn ở và học tập, đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Yên, cháu Yên có nguyện vọng ở với cha, đây là sự tự nguyện của cháu Yên, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh N, giao cháu Phan Thị Khánh Y, sinh ngày 18/3/2015, Phan Khánh Đ, sinh ngày 11/6/2016 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Phan Khánh P, sinh ngày 28/01/2018 cho chị Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nhã, chị Điểm có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn anh Phan Văn N yêu cầu chia đôi tài sản chung là phần đất diện tích 5650m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp 17, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh N, chị Điểm thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, anh N rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của anh N. Đương sự có quyền khởi kiện lại và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về nợ chung: Anh N, chị Đ thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Phan Văn N phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ các phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 81 và Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phan Văn N đối với chị Phan Thị Thùy Đ. Xử cho anh Phan Văn N được ly hôn với chị Phan Thị Thùy Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Khánh Y, sinh ngày 18/3/2015 và cháu Phan Khánh Đ, sinh ngày 11/6/2016 cho anh Phan Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Phan Khánh P, sinh ngày 28/01/2018 cho chị Phan Thị Thùy Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nhã, chị Điểm có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia đôi tài sản chung là phần đất diện tích 5650m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp 17, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Đương sự có quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Phan Văn N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh N đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0003106 ngày 11/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí 300.000 đồng và được hoàn lại 2.200.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện H;
-CCTHADS huyện H;
-Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thanh Tâm